

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023 (Lần 2)

Thực hiện Công văn số 2686/BGDĐT-GDĐH ngày 02/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, cung cấp và công bố thông tin tuyển sinh các hình thức đào tạo của trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023,

Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh công bố Đề án tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 như sau:

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY NINH**
2. Mã trường: **C46**
3. Địa chỉ: Số 1, Hẻm 2, đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: **www.cdsptayninh.edu.vn**
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/tuyensinhcaodangsuphamtayninh>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0276 3624360 - 0983587323
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:
 - Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của trường: **<https://cdsptayninh.edu.vn/Ckgd.aspx>**
 - Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi công nhận tốt nghiệp:

Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019	Số SV trúng tuyển nhập học năm 2019	Số SV tốt nghiệp năm 2022	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực đào tạo giáo viên					
- Ngành Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	46	47	35	100%
Tổng		46	47	35	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

Năm 2021:

<https://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=17&id=VmzTX%2fEKM4I%3d>

Năm 2022:

<http://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=27&id=fyr8kD8ioqs%3d>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

TT	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Lĩnh vực 1/ nhóm ngành/ ngành: Nhóm ngành đào tạo giáo viên							
	Ngành 1: Giáo dục Mầm non (51140201)	Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển	160	139		160	142	
	<i>Tổ hợp 1: Toán + Ngữ văn + Năng khiếu</i>		110	97	M00: 16,00	85	74	M00: 17,00
	<i>Tổ hợp 2: Ngữ văn + KH xã hội + Năng khiếu</i>		25	18	M03: 16,25	15	13	M03: 17,25
	<i>Tổ hợp 3: Ngữ văn + Lịch sử + Năng khiếu</i>		25	24	M05: 16,25	60	55	M05: 17,25
	Tổng		160	139		160	142	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://cdsptayninh.edu.vn/Ckgd.aspx>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Giáo dục Mầm non	51140201	2180/QĐ-BGD&ĐT	16/5/2003	5770/QĐ-BGD&ĐT	14/12/2010	BGDĐT	2004	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://cdsptayninh.edu.vn/Ckgd.aspx>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
B	ĐẠI HỌC		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		345
6	Cao đẳng chính quy		345
6.1	Chính quy	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - 51140201	345

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 7,063 ha.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 103 phòng (mỗi phòng 06 sinh viên)
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giảng viên của cơ sở đào tạo	63	4286
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	616
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	160
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	360
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	22	1190
1.5	Số phòng học đa phương tiện	18	980
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	18	980
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	803
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	20	2505
	Tổng	84	7594

10.2.2. Các thông tin khác: Không

10.3. Danh sách giảng viên

10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Kim Hoài Hân		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
2.	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
3.	Lê Khắc Thông		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
4.	Nguyễn Thị Trúc Uyên		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
5.	Nguyễn Đăng Hòa		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
6.	Lê Thị Bình		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
7.	Nguyễn Đăng Trường		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
8.	Trần Thị Anh Thy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
9.	Văn Thị Mỹ Trang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
10.	Võ Thị Như Trúc		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
11.	Lâm Thị Ngọc Dung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
12.	Nguyễn Thị Anh Đào		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	

13.	Đặng Văn Tráng		Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Giáo dục Mầm non	
14.	Trịnh Thị Quỳnh		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
15.	Nguyễn Mai Vinh		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
16.	Nông Thế Hải		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục Mầm non	
17.	Nguyễn Thị Diễm		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
18.	Ngô Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	
19.	Vũ Thị Huỳnh Thuyên		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
20.	Nguyễn Thị Huệ		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
21.	Phạm Quốc Hưng		Đại học	Sư phạm Hoá học	Giáo dục Mầm non	
22.	Nguyễn Thiện Mỹ Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
23.	Vũ Thị Hương Quỳnh		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Giáo dục Mầm non	
24.	Trần Quang Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
25.	Nguyễn Ngọc Phương Linh		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	
26.	Trịnh Thị Dung		Thạc sĩ	Chính trị học	Giáo dục Mầm non	
27.	Nguyễn Thành Phương		Thạc sĩ	Toán giải tích	Giáo dục Mầm non	
28.	Trần Phong Vũ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	

29.	Phạm Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
30.	Đàm Việt Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	
31.	Lê Phước Lâm		Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo dục Mầm non	
32.	Nguyễn Hữu Phúc		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
33.	Bùi Thị Bửu Châu		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
34.	Trần Văn Thảo		Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Giáo dục Mầm non	
35.	Trần Thị Phương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
36.	Trần Thị Cẩm Loan		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	
37.	Trần Ngọc Uyên Thanh		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
38.	Nguyễn Văn Giàu		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
39.	Lê Thị Thùy Dung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	
40.	Trần Văn Chính		Đại học	Hội họa	Giáo dục Mầm non	
41.	Nguyễn Văn Tửu		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
42.	Nguyễn Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	Giáo dục Mầm non	
43.	Phạm Văn Minh		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
44.	Trần Hoài Vũ		Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Mầm non	
45.	Võ Thị Kim Phượng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học	Giáo dục Mầm non	

46.	Nguyễn Thị Tân Mùi		Thạc sĩ	Địa lý học	Giáo dục Mầm non	
47.	Bùi Hoàn Nhiệm		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
48.	Đoàn Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ		Giáo dục Mầm non	
49.	Trần Quang Cường		Đại học	Sáng tác âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
50.	Nguyễn Thị Phương Thảo		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
51.	Trần Duy Hòa		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
52.	Hà Thị Thới		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
53.	Nguyễn Thị Nhung		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	

10.3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Không.

11. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<http://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=21&id=DsJRcXBiTo0%3d>

12. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=0&id=VOTRvkvfUYHQ%3d>

13. Đường link công khai Quy chế thi năng khiếu trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=0&id=qtz1G%2bapWqk%3d>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://cdsptayninh.edu.vn/Details.aspx?iddm=0&id=kpaqU56D3Jw%3d>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.2. Điều kiện tuyển sinh:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Thí sinh không bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp.

2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh thường trú tại tỉnh Tây Ninh.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

- Phương thức 1: Kết hợp thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển.

- Phương thức 2: Kết hợp kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển.

- Phương thức 3: Xét kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT của 3 môn theo tổ hợp đăng ký.

- Phương thức 4: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 3 môn theo tổ hợp đăng ký.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2	Tổ hợp xét tuyển 3	Tổ hợp xét tuyển 4
							Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405	Kết hợp thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển.	10	<i>Ngữ văn + Toán + Độc diễn cảm, Hát</i>	<i>Ngữ văn + KH xã hội + Năng khiếu</i>	<i>Ngữ văn + Lịch sử + Năng khiếu</i>	
2	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	406	Kết hợp kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển.	40	<i>Ngữ văn + Toán + Độc diễn cảm, Hát</i>	<i>Ngữ văn + Lịch sử + Năng khiếu</i>		
3	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT của 3 môn theo tổ hợp đăng ký.	70	<i>Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý</i>	<i>Ngữ văn + Địa lý + GD&CD</i>		
4	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 3 môn theo tổ hợp đăng ký.	40	<i>Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý</i>	<i>Ngữ văn + Địa lý + GD&CD</i>		

5. Ngưỡng đầu vào

- Đối với mã phương thức xét tuyển **405**: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó điểm thi năng khiếu mầm non đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Đối với mã phương thức xét tuyển **406**: Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Điểm thi năng khiếu mầm non đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Đối với mã phương thức xét tuyển **200**: Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Đối với mã phương thức xét tuyển **100**: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Mã trường: **C46** - Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển: **51140201**

- Mã phương thức xét tuyển:

+ Kết hợp thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển: **405**

+ Kết hợp kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT với điểm thi năng khiếu (của trường hoặc lấy kết quả thi tuyển năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng khác) để xét tuyển: **406**

+ Xét kết quả học tập lớp 12 (học bạ) THPT của 3 môn theo tổ hợp đăng ký: **200**

+ Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 của 3 môn theo tổ hợp đăng ký: **100**

- Tổ hợp xét tuyển (xác định môn chính):

+ **M00**: Ngữ văn + Toán + Đọc hiểu cảm, Hát (môn chính)

+ **M03**: Ngữ văn + KH xã hội + Năng khiếu (môn chính)

+ **M05**: Ngữ văn + Lịch sử + Năng khiếu (môn chính)

+ **C00**: Ngữ văn (môn chính) + Lịch sử + Địa lý

+ **C20**: Ngữ văn (môn chính) + Địa lý + Giáo dục công dân

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Tổ hợp gốc là tổ hợp môn xét tuyển 1 (**M00**). Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp khác với tổ hợp gốc là 0,25 điểm.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển và các quy định khác: Không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian tổ chức thi

+ Thời gian nhận hồ sơ thi năng khiếu: **Từ 10/04/2023 đến 03/07/2023**

+ Thời gian tổ chức thi tuyển năng khiếu: **08, 09/07/2023**

+ Thời gian xét tuyển đợt 1: Theo Kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ 12/8/2023 đến 20/8/2023).

+ Thời gian xét tuyển các đợt bổ sung: Nhà trường sẽ có thông báo sau.

- Hình thức: Thi tuyển năng khiếu kết hợp với xét tuyển 2 môn còn lại theo từng tổ hợp. Hoặc xét tuyển 3 môn theo tổ hợp đăng ký.

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển:

+ Hồ sơ dự tuyển đúng quy định của Trường CĐSP Tây Ninh.

+ Đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện và phạm vi tuyển sinh theo quy định của Trường.

8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/mã tổ hợp Lệ phí thi tuyển: 300.000 đồng/hồ sơ.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Không thu học phí.

11. Thời gian tuyển sinh các đợt trong năm: 01 đợt, theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Các nội dung khác: Không trái quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ 12/8/2023-20/8/2023).

13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Không

13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Không

13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành): Không

14. Tài chính

14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 16.582.060.000 đồng

14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 19.621.000 đồng./.

Cán bộ kê khai

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Nhân

Số điện thoại: 0938066811, Email: nguyenthannhan066@gmail.com

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Lê Quang Phú